

Số: 1343 /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 07 tháng 06 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-STNMT ngày 25 tháng 5 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 08 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai (đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*(Đính kèm Danh mục thủ tục hành chính).*

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, địa chỉ: <http://www.baria-vungtau.gov.vn>.

**Điều 3.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan căn cứ các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, cập nhật, cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật Quyết định công bố và nội dung thủ tục hành chính sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành vào Cổng dịch vụ công quốc gia về thủ tục hành chính đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT&TT- Sở TTTT;
- Lưu: VT, NC7.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *Khd*



**Đặng Minh Thông**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Đất đai</b>									
1	1.002335	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	<p><b>1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả:</b></p> <p>Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần.</p> <p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b></p> <p>Không quá 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ</p>	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường, thị trấn.	Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây: - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucon.g.baria-vungtau.gov.vn	- <b>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</b> Thu theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;	Các nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>hợp lệ.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải</p>		<p>;</p> <p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện có bảo đảm. (Dịch vụ công trực tuyến một phần)</p>	<p>Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).</p> <p><b>- Lệ phí địa chính:</b> Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội</p>	<p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.</p> <p>- <i>Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</i></p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà</p>	<p>hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>* Cơ quan xử lý hồ sơ</p> <p>- UBND cấp huyện</p>			<p>đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).</p>	<p>ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<p>chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<p>trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> <p>- Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
2	1.002314	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)	<p><b>1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả:</b> Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần.</p> <p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b> Không quá 30 (Ba mươi)</p>	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các phường, thị trấn.	Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây: - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-	- <b>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</b> Thu theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi	Các nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được



STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p>		<p>vung tau.gov.vn ;</p> <p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện có bảo đảm.</p> <p>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</p>	<p>đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).</p> <p><b>- Lệ phí địa chính:</b> Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày</p>	<p>hành Luật đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.</p> <p>- <i>Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</i></p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,</p>	<p>sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>* Cơ quan xử lý hồ sơ</p> <p>- UBND cấp huyện</p>			<p>09/12/0216 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).</p>	<p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<p>trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<p>tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</p> <p>- Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
3	1.002291	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với	<p><b>1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả:</b> Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần.</p> <p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b></p>	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã,	Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây: - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ:	- <b>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</b> Thu theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	Các nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cấp huyện	đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cấp huyện	Không quá 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám	phường, thị trấn.	dichvucong.baria-vungtau.gov.vn ;  - Nộp trực tiếp;  - Qua đường bưu điện có bảo đảm.  (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).  <b>- Lệ phí địa chính:</b> Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ	ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;  - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;  - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;  - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19	thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>định.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> <p>* Cơ quan xử lý hồ sơ</p> <p>- UBND cấp huyện</p>			<p>-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục</p>	<p>tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							kèm theo).	chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	
4	1.002978	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Thủ tục đính chính Giấy chứng	<b>1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả:</b>	Tại Bộ phận tiếp nhận và	Hồ sơ nộp theo một	<b>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy</b>	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số	Các nội dung còn lại của TTHC thực



STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			nhận đã cấp	<p>Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần.</p> <p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b></p> <p>Không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện</p>	<p>trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường, thị trấn.</p>	<p>trong các phương thức sau đây:</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn ;</p> <p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện có bảo đảm.</p> <p>(Dịch vụ công trực</p>	<p><b>chứng nhận quyền sử dụng đất:</b> Thu theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên</p>	<p>43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- <i>Nghị định số</i></p>	<p>hiện theo Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm</p>		tuyển một phần)	<p>địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).</p> <p><b>- Lệ phí địa chính:</b> Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền</p>	<p>10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				10 ngày. * Cơ quan xử lý hồ sơ - UBND cấp huyện			dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).	trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<p>thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</p> <p>- Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày</p>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								09/12/0216 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã số - Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Đất đai</b>			
1	1.002277.000.00.00.H06 - Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài	Đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch

	Giấy chứng nhận đã cấp	nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2	2.000955.000.00.00.H06 - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở cấp huyện	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3	1.003907.000.00.00.H06 - Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4	2.000410.000.00.00.H06 - Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục	Đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm

	nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
5	2.000365.000.00.00.H06 - Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
6	1.000755.000.00.00.H06 - Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục	Đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm

	một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
7	1.003572.000.00.00.H06 - Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dôn điền đổi thửa” (đồng loạt)	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đã được công bố tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
8	2.000379.000.00.00.H06 - Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đã được công bố tại Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu



**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

Đơn vị tính: Đồng

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu		
			Tổ chức	Hộ gia đình, cá nhân	
				Khu vực đô thị (1)	Khu vực nông thôn (2)
<b>A</b>	<b>Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN lần đầu:</b>				
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	1.000.000	670.000	560.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	1.150.000	730.000	620.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	1.550.000	940.000	790.000
<b>B</b>	<b>Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCN</b>				
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	700.000	540.000	450.000

2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	700.000	550.000	460.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	900.000	760.000	640.000
<b>C</b>	<b>Phí thẩm định hồ sơ chứng nhận biến động</b>				
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	700.000	340.000	280.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	700.000	360.000	300.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	900.000	430.000	360.000
4	Chứng nhận biến động đối với trường hợp phát hiện có sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính (đỉnh chính)	Giấy chứng nhận	300.000	170.000	150.000

**BIỂU THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở, TÀI SẢN KHÁC  
GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

<b>STT</b>	<b>Nội dung quan hệ giao dịch</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu</b>
<b>I</b>	<b>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</b>		
<b>I.1</b>	<b>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận lần đầu</b>		
1	Hộ gia đình, cá nhân		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân khu vực phường thuộc nội thành:		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/giấy	25.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/giấy	100.000
1.2	Hộ gia đình, cá nhân các khu vực còn lại		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/giấy	12.500
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/giấy	50.000

2	Tổ chức		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/hồ sơ	100.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:		
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích dưới 300 m <sup>2</sup> ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	300.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích từ 300 m <sup>2</sup> đến dưới 700 m <sup>2</sup> ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	400.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích trên 700 m <sup>2</sup> ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	500.000
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:		
	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích dưới 300 m <sup>2</sup> ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	200.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích từ 300 m <sup>2</sup> đến dưới 700 m <sup>2</sup> ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	300.000

	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích trên 700 m <sup>2</sup> ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	400.000
	(Tài sản khác ở đây gồm cây lâu năm và rừng sản xuất là rừng trồng)		
<b>I.2</b>	<b>Lệ phí cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</b>		
1	Hộ gia đình, cá nhân		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân khu vực phường thuộc nội thành:		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	20.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000
1.2	Hộ gia đình, cá nhân các khu vực còn lại		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	10.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	25.000
2	Tổ chức		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	50.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác	đồng/lần	50.000

	gắn liền với đất		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000
<b>II</b>	<b>Lệ phí cấp chứng nhận đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận:</b>		
1	Hộ gia đình, cá nhân:		
1.1	Hộ gia đình cá nhân khu vực phường thuộc nội thành, nội thị	đồng/lần	28.000
1.2	Hộ gia đình cá nhân khu vực các xã, thị trấn thuộc vùng nông thôn	đồng/lần	14.000
2	Tổ chức	đồng/lần	30.000